

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH YÊN BÁI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36 /2022/HNGĐ - ST

Ngày 21/7/2022

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thanh Thủy
2. Ông Hoàng Đình Mùi

-Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện V.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa
: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2021/TLST - HNGĐ ngày 28/3/2022 về ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXX ST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2022/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, thông báo mở lại phiên tòa số 99/2022/TB-TA ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Văn T1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. **Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và anh Lê Văn T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 18/02/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại thôn Đ, xã G đến tháng 12/2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T1 đánh đập chị nhiều lần, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ và anh T1 xin lỗi hứa sẽ không tái phạm nhưng đến tháng 4/2021 lại xảy ra mâu thuẫn cãi vã, anh T1 cầm dao dọa giết chị rồi tự tử nên chị rất sợ, vợ

chồng sống ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là Lê Thị Thanh N, sinh ngày 13/02/2016. Sau ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Chị T cung cấp 01 đơn xác nhận thu nhập cá nhân có xác nhận của Ủy ban xã G với mức thu nhập 200.000 đồng/ ngày.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 18/5/2022 tổ trưởng thôn Đ, xã G huyện V, tỉnh Yên Bái cho biết: Chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn sau đó về chung sống tại Thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái, quá trình chung sống qua năm bắt thông tin thì anh T1 có một số lần đánh đập chị T, tuy nhiên thôn bản chưa phải tiến hành hòa giải. Khi vợ chồng mâu thuẫn thì đến khoảng tháng 5/2021 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Anh T1 đi làm thuê thì thoảng về nhà một thời gian lại đi. Về con chung chị T và anh T1 có 01 con chung tên là Nhân sinh năm 2016, khi đi về nhà bố mẹ đẻ ở chị T có mang theo con chung, hiện nay con chung đang ở với chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử Nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn; căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Lê Văn T1; về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Thanh N, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Văn T1 là bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa anh Lê Văn T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Chị Hoàng Thị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt **chị T** và anh T1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Lê Văn T1 đăng ký kết hôn ngày 18/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa Chị T và anh T1 được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Chị Hoàng Thị T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do anh T1 nhiều lần đánh đập chị, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương xác định trong quá trình sống chung anh T1 có một số lần đánh đập chị T, sau khi vợ chồng mâu thuẫn thì khoảng tháng 5/2021 thì chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh T1 và chị T có 01 con chung là Lê Thị Thanh N, sinh ngày 13/02/2016. Sau ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Chính quyền địa phương xác nhận chị T hiện đang nuôi dưỡng cháu N, chị T là lao động tự do, có thu nhập. Để bảo vệ quyền và lợi ích của con chưa thành niên cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con khi ly hôn thì việc giao cho chị Hoàng Thị Tân trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị Thanh N, anh Lê Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng;

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 227; **khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238**; Điều 271; Điều 273; Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Lê Văn T1.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị Thanh N, sinh ngày 13/02/2016, anh Lê Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2021/0000994 ngày 28/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V tỉnh Yên Bái, chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã G,
- Lưu HS.

Lưu Hoa Quỳnh